TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/KDTM-ST
Ngày 14-8-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO , THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tâm

Bà Phạm Thị Khanh

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB , thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB , thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/KDTM-ST ngày 09 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-KDTM ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: NH NN và PT NT VN (Agribank); trụ sở chính: Số X, LH, phường TC, quận BĐ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chủ tịch Hội đồng thành viên; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Mạnh H - Giám đốc NH NN và PT NT VN chi nhánh huyện VB, ĐHP; ông H có mặt.

- *Bị đơn*: Vợ chồng ông Trần Sách T và bà Trương Thị N ; nơi cư trú: Thôn G , xã VL , huyện VB , Hải Phòng; ông Tuấn, bà N đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là NH NN và PT NT VN (Agribank) do người đại diện theo theo ủy quyền trình bày:

Ngày 30-8-2013, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện VB , ĐHP sau đây gọi tắt là Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng số 2107LAV201303777/HĐTD, nội dung: NH NN và PT NT VN - Chi nhánh VB , ĐHP cho vợ chồng ông Trần Sách T, sinh năm 1982 và bà Trương Thị N , sinh năm 1982 ở thôn G , xã VL , huyện VB , thành phố Hải Phòng vay số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng chẵn); mục đích sử dụng tiền vay: Mua bán vật liệu xây dựng để thu lợi nhuận; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ông Tuấn, bà N rút tiền vay lần đầu tiên theo hợp đồng tín dụng; lãi suất vay: 11,5%/năm và lãi suất nợ quá hạn bằng 150%. Để đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả vốn vay và các chi phí liên quan phát sinh theo hợp đồng nói trên, bên vay đã thế chấp bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 081313/VC ngày 29-8-2013 giữa vợ chồng ông Trần Sách T, bà Trương Thị N (Bên thế chấp) và Ngân hàng (Bên nhận thế chấp). Cụ thể tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng 240m^2 đất và ngôi nhà cùng tài sản khác gắn liền trên đất hiện tại cũng như hình thành trong tương lai, tại thửa đất 610, tờ bản đồ: Dân cư G ; địa chỉ thửa đất: Thôn G , xã VL , huyện VB , thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB552516 do UBND huyện VB cấp ngày 09-6-2011 mang tên ông Trần Sách T, bà Trương Thị N. Hợp đồng thế chấp này đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện VB , thành phố Hải Phòng. Sau khi ký kết các hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông Tuấn, bà N vay số tiền là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Trong thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng, vợ chồng ông Tuấn, bà N mới thanh toán trả ngân hàng 7.187.500 đồng tiền lãi. Tổng dư nợ tín dụng của ông Tuấn, bà N theo Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 14-8-2019 bao gồm cả dư nợ gốc và dư nợ lãi, cụ thể như sau: Tiền gốc: 60.000.000 đồng, nợ lãi tính đến 14-8-2019 là 30.111.667 đồng, trong đó lãi trong hạn là 21.676.667 đồng, lãi quá hạn là 8.435.000 đồng, tổng cộng: 90.111.667 đồng, vợ chồng ông Tuấn, bà N chưa trả cho Ngân hàng.

Kể từ khi bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng liên tục có thông báo và công văn đôn đốc nợ. Mặt khác Ngân hàng cũng đã mời ông Tuấn, bà N lên trụ sở Ngân hàng để làm việc nhiều lần và có biên bản làm việc cũng như thông báo về việc quản lý tài sản thế chấp, song ông Tuấn, bà N không chấp hành, không về địa phương. Việc ông Tuấn, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết tại hợp đồng tín dụng đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Vì vậy Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Sách T và bà Trương Thị N phải thanh toán trả nợ số tiền gốc là 60.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 14-8-2019, tổng cộng là 90.111.667 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 21.676.667 đồng, lãi quá hạn: 8.435.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 15-8-2019 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng tín dụng.

Trong trường hợp ông Tuấn, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 081313/VC ngày 29-8-2013 giữa ông Trần Sách T, bà Trương Thị N (Bên thế chấp) là toàn bộ giá trị quyền sử dụng 240m^2 đất và tài sản trên đất tại thửa đất số đất số 610; tờ bản đồ: Dân cư G , địa chỉ thửa đất: Thôn G , xã VL , huyện VB , thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB552516 do UBND huyện VB cấp ngày 09-6-2011 mang tên Trần Sách T, Trương Thị N , để thu hồi vốn cho Ngân hàng theo đúng như cam kết.

Tại bản tự khai, các văn bản khác và tại phiên tòa vợ chồng ông Trần Sách T, bà Trương Thị N trình bày: Ngày 30-8-2013, vợ chồng ông bà đã ký kết hợp đồng tín dụng số 2107LAV201303777/HĐTD với NH NN và PT NT VN chi nhánh huyện VB, ĐHP để vay số tiền 60.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay: Mua bán vật liệu xây dựng thu lợi nhuận; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày vợ chồng ông bà rút tiền vay lần đầu tiên theo hợp đồng tín dụng; lãi suất vay: 11,5%/năm và lãi suất quá hạn bằng 150%. Sau đó vợ chồng ông bà đã được Ngân hàng giải ngân cho vay số tiền là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Để đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả vốn vay và các chi phí liên quan phát sinh theo hợp đồng nói trên, ông bà đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng 240m^2 đất và ngôi nhà cùng tài sản gắn liền trên đất hiện tại cũng như hình thành trong tương lai tại số thửa 610; tờ bản đồ: Dân cư G , địa chỉ thửa đất: Thôn G , xã VL, huyện VB , thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB552516, do UBND huyện VB cấp ngày 09-6-2011 mang tên ông Trần Sách T, bà Trương Thị N. Do làm ăn không thuận lợi gia đình ông bà mới thanh toán trả Ngân hàng 7.187.500 đồng tiền lãi. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông bà thanh toán trả số tiền gốc là 60.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 14-8-2019 là 30.111.667 đồng, trong đó lãi trong hạn: 21.676.667 đồng; lãi quá hạn: 8.435.000 đồng, tổng cộng 90.111.667 đồng và lãi phát sinh từ ngày 15-8-2019 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ, ông bà đồng ý trả nợ và xin trả dần.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng, đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ cũng như các hoạt động tố tụng khác; Ngân hàng và ông T chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án về cung cấp chứng cứ, tham gia các hoạt động tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật. Bà N chưa chấp hành nghiêm các hoạt động tố tụng không tham gia buổi xem xét thẩm định tại chỗ. Tuy nhiên việc bà N vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 306 Luật Thương mại; khoản 1 Điều 4, Điều 21, Điều 56, Điều 58, Điều 68, Điều 71 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 116, 117, 280, 295, 298, 299, 317, 318, 320, 321, 322, 323, 351, 357, 398, 463, 466, 468, 500, 502, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 167, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39; Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Buộc ông Trần Sách T và bà Trương Thị N phải trả nợ NH NN và PT NT VN số tiền vay gốc là 60.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 14-8-2019 là 30.111.667 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 21.676.667 đồng, lãi quá hạn: 8.435.000 đồng, tổng cộng là 90.111.667 đồng và lãi phát sinh từ ngày 15-8-2019 cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số 2107LAV201303777/HĐTD ngày 30-8-2013 đã ký giữa Ngân hàng và ông Tuấn, bà N . Nếu ông T bà N không trả được nợ cho NH NN và PT NT VN thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng 240m^2 đất và ngôi nhà cùng tài sản khác gắn liền trên đất hiện tại cũng như hình thành trong tương lai tại thửa đất số 610; tờ bản đồ: Dân cư G ; địa chỉ thửa đất: Thôn G , xã VL , huyện VB , thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB552516 do UBND huyện VB cấp ngày 09-6-2011 mang tên ông Trần Sách T, bà Trương Thị N để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Về án phí: NH NN và PT NT VN không phải chịu án phí kinh doanh thương mại, vợ chồng ông T bà N phải chịu án phí kinh doanh thương mại. Về chi phí tố tụng: Chấp nhận sự tự nguyện của Ngân hàng về việc nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

-Về tố tụng:

[1] Vợ chồng ông Trần Sách T và bà Trương Thị N đều có hộ khẩu thường trú tại Thôn G , xã VL , huyện VB , thành phố Hải Phòng. Ông T bà N có dự án vay vốn để sản xuất kinh doanh, mục đích vay tiền của ông T và N để mua bán vật liệu xây dựng thu lợi nhuận. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Việc NH NN và PT NT VN khởi kiện đối với vợ chồng ông T bà N trong thời thời hạn pháp luật quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35 và Điều 39

của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án kinh doanh thương mại và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB , thành phố Hải Phòng.

[2] Về pháp luật áp dụng: NH NN và PT NT VN và vợ chồng ông Tuấn, bà N ký kết Hợp đồng tín dụng số 2107LAV201303777/HĐTD ngày 30-8-2013; Hợp đồng thế chấp tài sản số 081313/VC ngày 29-8-2013. Các bên đã xác lập giao dịch và thực hiện giao dịch trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng này sẽ áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 và các văn bản pháp luật liên quan để giải quyết.

- Về nội dung vụ án:

[3] Xét hợp đồng tín dụng số 2107LAV201303777/HĐTD ngày 30 tháng 8 năm 2013: Ông Tuấn, bà N thừa nhận là người đã trực tiếp ký hợp đồng tín dụng nêu trên, mục đích vay vốn để vợ chồng ông bà kinh doanh thu lợi nhuận, do làm ăn không thuận lợi nên vợ chồng ông bà chưa có điều kiện để thanh toán trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Về hình thức và nội dung của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng và vợ chồng ông Tuấn, bà N phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 398, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy Hợp đồng tín dụng số 2107LAV201303777/HĐTD ngày 30 tháng 8 năm 2013 có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện theo hợp đồng. Do ông Tuấn, bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông T và bà N phải trả số tiền gốc là 60.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 14-8-2019 là 30.111.667 đồng, trong đó: lãi trong hạn: 21.676.667 đồng, lãi quá hạn: 8.435.000 đồng, tổng cộng 90.111.667 đồng là có căn cứ, đúng với thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, phù hợp với đề nghị của Viện Kiểm sát và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận. Căn cứ các Điều 280, 351, 357, 463, 466, 468 BLDS 2015, Điều 306 Luật Thương mại, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 11 của Quyết định số 20/2014/VBHN-NHNN ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, buộc vợ chồng ông Trần Sách T và bà Trương Thị N phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng với tổng số tiền tính đến ngày 14-8-2019 là 90.111.667 đồng, gồm nợ gốc: 60.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 21.676.667 đồng, lãi quá hạn: 8.435.000 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 15-8-2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng.

[5] Xét hợp đồng thế chấp tài sản: Hợp đồng thế chấp tài sản số 081313/VC ngày 29-8-2013 được dùng bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 2107LAV201303777/HĐTD ngày 30 tháng 8 năm 2013 giữa bên thế chấp là vợ chồng ông Trần Sách T, bà Trương Thị N , bên nhận thế chấp là Ngân hàng Nông

nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh VB ĐHP. Tài sản thế chấp là ngôi nhà và toàn bộ giá trị quyền sử dụng 240m^2 đất, tại thửa số 610; tờ bản đồ: Dân cư G ; địa chỉ thửa đất: Thôn G , xã VL , huyện VB , thành phố Hải Phòng đã được UBND huyện VB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB552516 ngày 09-6-2011 mang tên ông Trần Sách T, bà Trương Thị N . Ông Tuấn, bà N đã tự nguyện đem tài sản nói trên bảo đảm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ cả gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn và chi phí khác phát sinh nếu có. Hợp đồng này có nội dung, hình thức và được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định tại các Điều 298, 319, 398, 500 và 502 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 167, Điều 188 Luật Đất đai 2013. Do đó Hợp đồng thế chấp tài sản số 081313/VC ngày 29-8-2013 có hiệu lực pháp luật, vợ chồng ông Tuấn, bà N phải thực hiện các thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp tài sản này. Nếu ông Trần Sách T, bà Trương Thị Ngân không trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản nêu trên để thu hồi nợ trả cho Ngân hàng là phù hợp với các Điều 299, 320, 321, 322, 323 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 1 Điều 4, Điều 21, 56, 58, 68, 71 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí mà bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[7] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện VB , ĐHP nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã nộp đủ và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 116, 117, 280, 295, 298, 299, 317, 318, 320, 321, 322, 323, 351, 357, 398, 463, 466, 468, 500, 502, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 167, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 306 Luật Thương mại; khoản 1 Điều 4, Điều 21, Điều 56, Điều 58, Điều 68, Điều 71 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6, Điều 25, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, xử:

Buộc ông Trần Sách T và bà Trương Thị N phải trả cho NH NN và PT NT VN số tiền nợ gốc và tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 2107LAV201303777/HĐTD ngày 30 tháng 8 năm 2013 với tổng số tiền tính đến ngày 14 tháng 8 năm 2019 là 90.111.667 đồng (Chín mươi triệu, một trăm mười một nghìn, sáu trăm sáu mươi bẩy đồng). Trong đó: Nợ gốc: 60.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 21.676.667 đồng; lãi quá hạn là 8.435.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Sách T và bà Trương Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2107LAV201303777/HĐTD ngày 30 tháng 8 năm 2013 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Nếu ông Trần Sách T và bà Trương Thị N không trả được hoặc trả không đầy đủ khoản nợ nêu trên cho NH NN và PT NT VN thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại toàn bộ tài sản thế chấp của ông Trần Sách T, bà Trương Thị N là quyền sử dụng 240m^2 đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa số 610; tờ bản đồ: Dân cư G , tọa lạc tại Thôn G, xã VL, huyện VB, thành phố Hải Phòng đã được UBND huyện VB cấp Giấy nhận quyền sử dụng đất số BB552516 ngày 09 tháng 6 năm 2011 mang tên chủ sử dụng đất ông Trần Sách T, bà Trương Thị N để thu hồi nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Trong trường hợp số tiền phát mại thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì vợ chồng ông Trần Sách T, bà Trương Thị N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NH NN và PT NT VN cho đến khi trả xong khoản vay.

3. Về án phí: NH NN và PT NT VN không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng 2.200.000 đồng (Hai triệu, hai trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu số 0001404 ngày 09 tháng 4 năm 2019.

Vợ chồng ông Trần Sách T và bà Trương Thị N phải chịu 4.505.583 đồng (Bốn triệu, năm trăm linh năm nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng: NH NN và PT NT VN đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, Ngân hàng không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện VB ;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện VB ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền